

Số: 11/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 14 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Hà Văn N sinh năm 1975 và chị Lò Thị T sinh năm 1976, nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản NN, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Lò Thị T kết hôn với nhau từ năm 1993 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được đến năm khoảng năm 2005-2006 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N phải đi thi hành án phạt tù trong thời gian 07 năm nên tình cảm vợ chồng xa cách, không có tiếng nói chung với nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống. Sau khi anh N thi hành án xong trở về, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Hiện cả hai đều thấy không còn tình cảm vợ chồng nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, anh N, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N và chị T.

[2] Về con chung: Anh N, chị T có 01 con chung là Hà Văn K sinh năm 1993 (đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh N, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh về tranh chấp về tài sản chung vợ chồng hay yêu cầu của người thứ ba liên quan đến nợ chung vợ chồng, Tòa án sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh N nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Lò Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh N, chị T có 01 con chung là Hà Văn K sinh năm 1993 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh N, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh về tranh chấp về tài sản chung vợ chồng hay yêu cầu của người thứ ba liên quan đến nợ chung vợ chồng, Tòa án sẽ giải quyết trong vụ án khác.

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hà Văn N nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0004157 ngày 03 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- UBND xã CM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga

